



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: / QĐ - VPCNCL
ngày tháng 03 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm định thiết bị y tế**

Laboratory: **Medical device testing center**

Tổ chức/Cơ quan chủ
quản: **Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**

Organization: **Pasteur Institute in Ho Chi Minh City**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: **Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Thị Thu Phương**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1099**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày /03/2025 đến ngày /03/2030**

Địa chỉ/ Address:

Số 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

167 Pasteur, Vo Thi Sau ward, District 3, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location:

Số 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

167 Pasteur, Vo Thi Sau ward, District 3, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: **(84-28) 38202835**

Fax: **(84-28) 38231419**

E-mail: **ttkdtbyt@pasteurhcm.edu.vn**

Website: **www.pasteurhcm.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1099****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Tủ sạch⁽¹⁾, tủ an toàn sinh học cấp I⁽²⁾, tủ an toàn sinh học cấp II (x) <i>Laminar flow hood, biosafety cabinet class I, biosafety cabinet class II</i>	Đo tốc độ gió vào <i>Measurement of inflow velocity</i>	0,01 m/s / (0,3 ~ 10) m/s	NSF/ANSI 49-2022
2.		Đo tốc độ gió xuống <i>Measurement of downflow velocity</i>	0,01 m/s / (0,3 ~ 10) m/s	
3.		Kiểm tra độ rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA <i>Checking of HEPA/ULPA filter leak</i>	0,0001 % / (10 ~ 100) % Dung môi/Fluid: PAO	
4.		Kiểm tra hướng dòng khí <i>Checking of Airflow smoke patterns</i>	-	
5.		Đo cường độ ánh sáng <i>Measurement of lighting intensity</i>	Dải đo/Range: (100 ~ 10 000) lux Độ phân giải/Res: (0,01 ~ 10) lux	
6.		Đo độ ồn <i>Measurement of noise level</i>	0,1 dB/ (35 ~ 130) dB	
7.		Đo độ rung <i>Measurement of vibration</i>	Đến/to 2 mm	
8.		Đo cường độ ánh sáng tím UV <i>Measurement of UV Lighting intensity</i>	Đến/to 19,99 mW/cm ²	PPKC02 (2025)

Chú thích/ Note:

- ⁽¹⁾: Tủ sạch: áp dụng các phép thử số thứ tự 2 ~ 8/ *Laminar Flow: test No. 2 ~ 8 ;*

- ⁽²⁾: Tủ an toàn sinh học cấp I: áp dụng các phép thử số 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8/ *Biosafety cabinet class I: test No. 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8;*

- PPKC: Quy trình thử nghiệm nội bộ/ *Laboratory/s developed's method;*

- (x): Phép thử có thực hiện ở hiện trường/ *Mark (x) for on-site tests;*

- Trường hợp Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Pasteur Institute in Ho Chi Minh City that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

